

**DANH SÁCH DỰ KIẾN SINH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ, HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO TT 35/2014/TTLT-BTC-BGDĐT, HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2022 - 2023**

ính kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHQN ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
1	2119012904	Arâl Thị	Họa	25/01/2001	DT19BTV01	KHTN & KT	DTTS + hộ nghèo 2022	
2	2119012915	Hồ Thị Thủy	Tiên	18/06/2001	DT19BTV01	KHTN & KT	DTTS + hộ nghèo 2022	
3	2122290102	Alăng Thị	Đào	03/04/2004	DT22BTV01	KHTN & KT	DTTS + hộ nghèo 2022	
4	2122290105	Bling	Phước	02/08/2004	DT22BTV01	KHTN & KT	DTTS + hộ nghèo 2022	BS Đơn và GKS
5	2122290110	Alăng Thị	Thủy	01/09/2003	DT22BTV01	KHTN & KT	DTTS + hộ nghèo 2022	
6	2121022733	Trần Thị	Lép	10/10/1997	DL21SSH01	KHTN &KT	DTTS + hộ nghèo 2022	
7	2121020307	Nguyễn Thị Thu	Hiền	28/03/1997	DL21SNV01	KHXX & NV	DTTS + hộ nghèo 2022	
8	2121010316	Bh' Ling Thị	Son	03/04/2003	DT21SNV01	KHXX & NV	DTTS + hộ nghèo 2022	
9	2122030142	Hồ Thị	Tuyền	20/10/2004	DT22SNV01	KHXX & NV	DTTS + hộ nghèo 2022	
10	2122030143	Hồ Thị Ánh	Tuyết	10/02/2004	DT22SNV01	KHXX & NV	DTTS + hộ nghèo 2022	
11	2119090010	Hiền	Chiến	26/06/2001	DT19VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
12	2119090024	Arát Thị	Duyên	19/04/2001	DT19VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
13	2119090070	Nguyễn Văn	Lộc	14/02/2001	DT19VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
14	2119090075	Pơ Loong	Mến	12/10/2001	DT19VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
15	2119090080	A Lăng	Nên	02/03/2000	DT19VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
16	2119090177	Hôihi Thị	Nhéo	01/02/2000	DT19VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
17	2119090113	Zorâm	Sa	04/12/2001	DT19VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
18	2119090143	Hồ Thị	Thúy	04/08/2001	DT19VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
19	2119090166	Arál Thị	Xam	16/03/2001	DT19VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
20	2120090124	A Lăng	Bích	24/09/2002	DT20VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
21	2120090104	H' Goan	Byă	22/08/2002	DT20VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
22	2120090158	Hồ Thị Kim	Oanh	21/09/2002	DT20VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
23	2120090122	Đinh Bảo	Yên	13/02/2002	DT20VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
24	2121010938	Radêl	Hoan	21/03/2003	DT21VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
25	2121010905	Tơ Ngồl Kỳ	Lâm	16/08/2003	DT21VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
26	2121010924	Hồ Thị	Ngông	20/02/2002	DT21VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
27	2121010939	Alăng	Nhiu	07/04/1994	DT21VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
28	2121010909	Hồ Thị	Thảo	12/05/2002	DT21VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
30	2121010911	Adíh	Uyên	19/11/2003	DT21VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
31	2122330106	Hồ Thị	Hình	06/05/2004	DT22LSU01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
32	2122330138	Nguyễn Thị Xuôn	Hồn	09/11/2003	DT22LSU01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
33	2122330139	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	17/07/2003	DT22LSU01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
34	2122330110	Alăng Thị	Lưa	13/04/2001	DT22LSU01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	BS GCN HN năm 2022
35	2122330114	Hồ Thị	Nhung	13/09/2002	DT22LSU01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
36	2122330115	Hồ Thị	Phó	18/02/2004	DT22LSU01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
37	2122330118	Cơ Lâu Tích	Tắc	07/08/2004	DT22LSU01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
38	2122330119	Alăng Thị	Thang	06/06/1999	DT22LSU01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
39	2122330123	Hồ Thị	Thủy	26/03/2004	DT22LSU01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	
40	2122090113	Hôih	Phước	10/09/2004	DT22VNH01	Kinh tế - Du lịch	DTTS + hộ nghèo 2022	BS Đơn và GKS

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
41	2119010823	Y	Mai	08/01/2001	DT19TAN01	Ngoại ngữ	DTTS + hộ nghèo 2022	
42	2118080222	Poloong Thị	Nem	07/08/2000	DT19TAN01	Ngoại ngữ	DTTS + hộ nghèo 2022	
43	2122080102	A Lăng Thị Mỹ	Anh	10/11/2004	DT22TAN01	Ngoại ngữ	DTTS + hộ nghèo 2022	
44	2122080118	Hóih Thị	Mai	17/10/2002	DT22TAN01	Ngoại ngữ	DTTS + hộ nghèo 2022	
45	2122080173	Coor Yến	Nhi	08/11/2004	DT22TAN01	Ngoại ngữ	DTTS + hộ nghèo 2022	
46	2122080127	Bhróu Thị	Thủy	01/06/2004	DT22TAN01	Ngoại ngữ	DTTS + hộ nghèo 2022	
47	2121010595	Zơ Râm	Mạnh	28/03/2003	DT21SGT01	THMN	DTTS + hộ nghèo 2022	
48	2119010503	Alăng Thị	Bênh	26/08/2001	DT19SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
49	2118050108	Hồ Thị Huyền	Hảo	09/11/2000	DT19SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
50	2118050119	Võ Thị	Nghĩa	23/10/2000	DT19SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
51	2119010537	Ra Đa Thị	Phương	08/10/2000	DT19SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
52	2119011243	Hiên Thị	Ngọc	12/10/2001	DT19SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
53	2119011225	A Hó Thị	Thắm	17/12/2001	DT19SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
54	2120050113	Hồ Thị	Hiên	15/04/2002	DT20SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
55	2120050186	A Lăng Thị	Nhế	11/07/2002	DT20SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
56	2120050198	Tơ Ngôn Thị	Oanh	06/02/2002	DT20SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
57	2120050143	Hiên Thị	Quỳnh	22/07/2002	DT20SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
58	2120050188	Tơ Ngòl	Thành	02/08/2002	DT20SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
59	2120050147	Đinh Văn	Theo	20/04/2002	DT20SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
60	2120050194	Blúp Thị	Chát	25/06/2002	DT20SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
61	2120050112	Hồ Thị	Hảo	20/04/2002	DT20SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
62	2120050202	Hiên Thị	Kìm	10/08/2002	DT20SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
63	2120050225	Ka Phu	Mần	11/10/2002	DT20SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
64	2120050226	Ka Phu	Mắng	04/07/2001	DT20SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
65	2120050204	Zơ Râm Thị	Phim	02/07/2002	DT20SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
66	2120050205	Hồ Thị	Thiện	09/06/2002	DT20SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
67	2120050199	Tơ Ngôl	Thư	01/07/2002	DT20SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
68	2120050262	Nguyễn Thị	Trinh	20/01/2002	DT20SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
69	2120120167	Pơ loong Thị Á	Ánh	11/10/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
70	2120120104	Hồ Thị Hồng	Ánh	19/02/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
71	2120120172	Đinh Thị Bích	Dung	23/10/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
72	2120120171	Bờ Nướch Thị	Giang	14/08/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
73	2120120111	A Lăng	Hoa	10/04/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
74	2120120114	Hôi h	Hương	15/01/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
75	2120120119	Ka Phu Thị	Liêng	19/03/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
76	2120120126	Hồ Thị	Na	31/01/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
77	2120120128	Bờ Nướch Thị	Nganh	01/07/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
78	2120120134	Zơ Râm Thị	Phượng	19/02/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
79	2120120136	Nguyễn Thị	Quyết	06/06/1999	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
80	2120120162	Kaphu Thị	Sim	18/06/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
81	2120120168	Bríu Thị Mỹ	Vân	28/09/2002	DT20SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
82	2121010549	Pơ Loong	Đậu	23/11/2003	DT21SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
83	2121010559	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	25/05/2003	DT21SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
84	2121010520	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	30/12/2003	DT21SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
85	2121010577	Alăng Thị	Lai	05/08/2003	DT21SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
86	2121020507	Nguyễn Thị	Muốn	05/11/2003	DT21SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
87	2121010537	Zơ Râm	Bảo	08/08/2003	DT21SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
88	2121010541	Pơ Loong Thị	Chúc	26/06/2003	DT21SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
89	2121020592	Pơ Loong Thị	Ly	01/04/2003	DT21SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
90	2121010590	Bling Thị	Lý	30/08/2003	DT21SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
91	2121020531	Hồ Thị Tuyết	Nữ	26/05/2003	DT21SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
92	2121020501	Zơ Râm Thị	Apinh	18/01/2002	DT21SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
93	2121010539	Pơ Loong Hoàng	Châu	23/11/2003	DT21SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
94	2121010545	Đinh Thị	Duyên	07/09/2003	DT21SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
95	2121010569	Hồ Thị	Hồng	15/07/2003	DT21SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
96	2121010591	Pơ Loong Thị	Lý	18/06/2003	DT21SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
97	2121010532	Hồ Thị	Thước	26/07/2001	DT21SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
98	2121011287	Alăng Thị	Hạnh	25/05/2003	DT21SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
99	2121011288	Nguyễn Thị	Hy	28/05/2003	DT21SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
100	2121011238	Pơ Loong Thyy	Mận	28/07/2003	DT21SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
101	2121011291	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/03/2003	DT21SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
102	2121011284	Ka Phu Thị	Phụng	06/11/2003	DT21SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
103	2121011295	Nguyễn Thị Cao	Siêu	07/11/2003	DT21SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
104	2121011298	Zơ Râm	Tiến	27/02/2003	DT21SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
105	2121011298	Zơ Rôm	Tiến	27/02/2003	DT21SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
106	2121011272	A Lăng	Uyển	20/11/2003	DT21SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
107	2121021284	Hoàng Thị	Giang	24/10/2003	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
108	2121021288	Alăng	Huyện	20/04/2003	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
109	2121011228	Hiên Thị	Khảo	29/11/2003	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
110	2121021290	Bnướch Thị	Lan	24/04/2003	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
111	2121011201	Alăng Thị	Lệ	02/09/2002	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
112	2121011233	Bơ Nướch	Luyến	20/07/2003	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
113	2121011239	Hồ Thị	Năm	05/06/2003	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
114	2121011202	Alăng Thị	Nhéc	01/02/2002	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
115	2121011251	Brao	Sinh	14/04/2003	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
116	2120120166	A Rất Thị Duy	Trồn	12/01/2002	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
117	2121011271	Zơ Râm Thị	úc	15/10/2003	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
118	2121031202	Nguyễn Thị	Xíu	19/03/2003	DT21SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
119	2122050101	Colâu	Amo	09/07/2003	DT22SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
120	2122050132	Brao	Đạo	14/07/2004	DT22SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
121	2122050144	Zorôm Thị	Hết	30/08/2004	DT22SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
122	2122050251	Alăng	Quyền	25/03/2004	DT22SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
123	2122050314	Blỳp Thị	Thi	24/07/2004	DT22SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
124	2122050361	Bróu Thị	Y	01/02/2001	DT22SGT01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
125	2122050108	Zorâm Thị	Apoi	08/04/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
126	2122050115	Bhnướch	Bung	15/10/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
127	2122050119	Đinh Thị	Cum	15/02/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
128	2122050154	Hoàng Ngọc	Khánh	30/06/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
129	2122050162	Alăng Mỹ	Linh	07/07/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
130	2122050243	Alăng Thị	Oanh	06/04/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	BS GCN HN năm 2022
131	2122050248	Hồ Thị	Phượng	07/06/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
132	2122050252	Alăng	Quỳnh	18/02/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
133	2122050260	Radêl Thị	Sút	29/07/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
134	2122050315	Riách Thị	Thi	20/11/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	BS GCN HN năm 2022
135	2122050324	Đinh Thị	Thương	08/08/1999	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
136	2122050327	Hiên Thị	Tiên	18/08/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
137	2122050336	Đinh Thị Hoài	Trâm	17/12/2004	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
138	2122050360	Briú Thị	Xim	30/05/2003	DT22SGT02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
139	2122050113	Hồ Văn	Biên	16/08/2004	DT22SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
140	2122050117	Tơ Ngul Mi	Công	01/05/2001	DT22SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
141	2122050134	Zorâm Thị	Đoàn	05/05/2004	DT22SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	BS GCN HN năm 2022
142	2122050146	Phạm Thị Hồng	Hội	02/03/2004	DT22SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
143	2122050163	Lê Thị Yến	Linh	26/02/2004	DT22SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
144	2122050208	Brao	Mạnh	12/01/2004	DT22SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
145	2122050212	Trần Huỳnh Trà	My	27/02/2003	DT22SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
146	2122050216	Bờ Nướch Lai	Na	17/07/2004	DT22SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
147	2122050254	Hồ Thị	Quỳnh	26/09/2004	DT22SGT03	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
148	2122050112	Bróu	Bảy	08/04/2003	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
149	2122050129	Plong Thị	Duyên	13/09/2004	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
150	2122050149	Pơ Loong	Huyền	06/10/2004	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
151	2122050217	Cơ Sĩ Na	Na	10/05/2004	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
152	2122050221	A Râl Phuong	Nam	01/03/2002	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
153	2122050224	Alăng Thị	Ngát	08/03/2004	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
154	2122050245	Tangôn Thị	Phân	06/04/2004	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
155	2122050263	Arâl Thị	Tam	28/10/2004	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
156	2122050339	Hồ Thị Trận	Trề	29/10/2004	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
157	2122050347	Bhờ Nướch Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	DT22SGT04	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
158	2122120106	Alăng Thị	Chức	19/03/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
159	2122120108	Colâu Thị	Diệu	16/11/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
160	2122120112	Arất Thị	Đội	05/07/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
161	2122120121	Tơ Ngụn	Hiền	02/07/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
162	2122120128	Brúu Thị Sung	Hy	27/10/2003	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
163	2122120143	Hôihi Thị	Naly	19/04/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
164	2122120145	Ka Rìng Thị	Ngân	17/09/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
165	2122120147	Poloong Thị	Ngân	20/04/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
166	2122120153	Alăng Thị	Nhường	19/12/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
167	2122120155	Zơ Râm	Nữ	05/11/1999	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
168	2122120201	Un Thị	Oanh	16/02/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
169	2122120209	Un Thị	Quỳnh	16/02/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
170	2122120211	Coor	Sương	28/05/2002	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
171	2122120218	Alăng Thị	Thắm	30/04/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
172	2122120216	Krìng Thị	Thanh	30/07/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
173	2122120224	Rêêh Thị	Thúy	09/06/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
174	2122120229	Zơ Râm Thị	Trà	07/07/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
175	2122120254	Zorâm Thị	Xê	25/01/2004	DT22SMN01	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
176	2122120105	Hôih Thị	Chúa	05/09/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
177	2122120111	Riah Thị	Điều	02/06/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
178	2122120117	Arâl Thị Xuân	Hạ	09/03/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
179	2122120122	Zơ Râm Mỹ	Hiền	31/10/2003	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
180	2122120133	Ka Phu Thị	Lành	02/02/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
181	2122120134	Alăng Thị	Lem	14/04/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
182	2122120137	B Lúp Thị	Liều	14/08/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
183	2122120144	Alăng Thị	Nga	06/06/2002	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
184	2122120148	Zorâm	Ngân	10/10/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
185	2122120154	Bling Thị	Nở	03/08/2002	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
186	2122120204	Hồ Thị	Phi	03/08/1998	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
187	2122120210	Bh'ling Thị	Son	03/04/2003	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
188	2122120219	Zơ Râm Thị	Thắm	09/05/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
189	2122120225	Pơ Loong	Thư	02/01/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
190	2122120241	Bh Nướch Thị	Truyền	13/04/2004	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
191	2122120255	Y	Xuyến	16/03/2003	DT22SMN02	TH-MN	DTTS + hộ nghèo 2022	
192	2121020102	Huỳnh Thị	Hà	28/09/1998	DL21STH01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
193	2121020102	Huỳnh Thị	Hà	28/09/1998	DL21STH01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
194	2120100113	Alăng	Son	30/04/2002	DT20CTT01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	Diện chính sách	Ghi chú
195	2120100124	Hồ Văn	Tính	17/08/2002	DT20CTT01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
196	2120010105	Hồ Thị	Ngũy	01/02/2002	DT20STH01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
197	2120010113	Alăng Thị	Út	01/01/2002	DT20STH01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
198	2121010112	A Lăng Thị	Ngọc	12/07/2003	DT21STH01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
199	2122100115	H Chinh	Niê	09/07/2004	DT22CTT01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
200	2122100116	H Diên	Niê	22/04/2004	DT22CTT01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
201	2122100120	Brao Minh	Quốc	11/03/2003	DT22CTT01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	Năm sinh GCN hộ nghèo bị sai
202	2122100157	Bờ Nướch Thị	Thăm	01/12/2004	DT22CTT01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
203	2122100125	Alăng	Thôi	12/04/2004	DT22CTT01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
204	2122100129	Bling	Tiờng	11/03/2004	DT22CTT01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
205	2122010142	Arát Thị	Nhuyên	03/10/2022	DT22STH01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	
206	2122010129	Hồ Thị	Thủy	18/01/2003	DT22STH01	Toán - Tin	DTTS + hộ nghèo 2022	

Danh sách này có 206 sinh viên, học viên